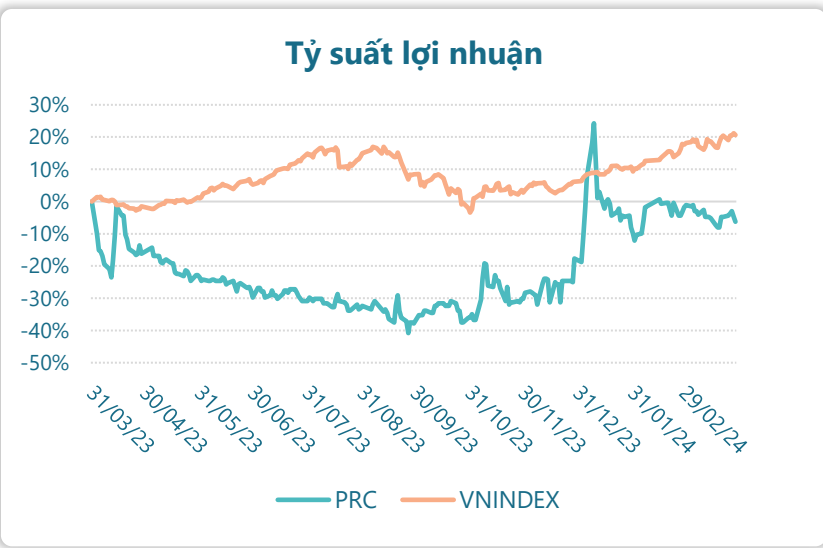
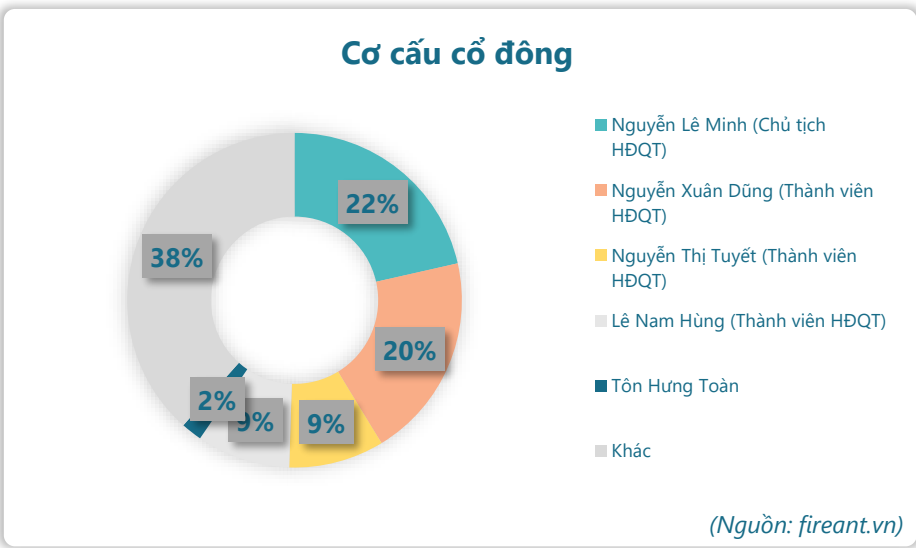
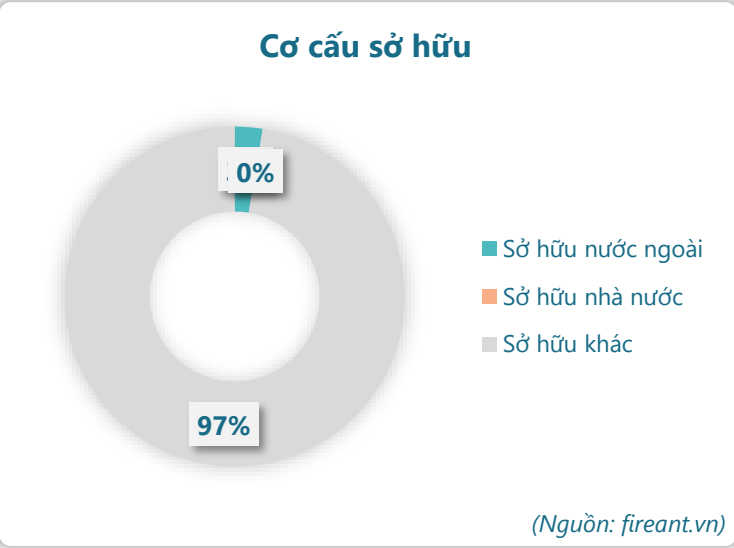
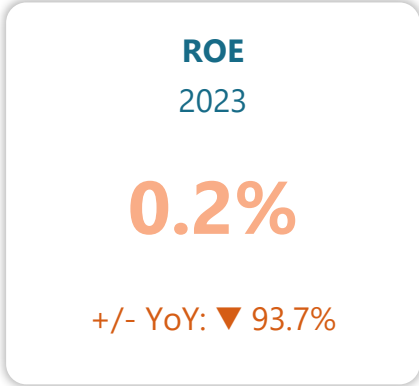
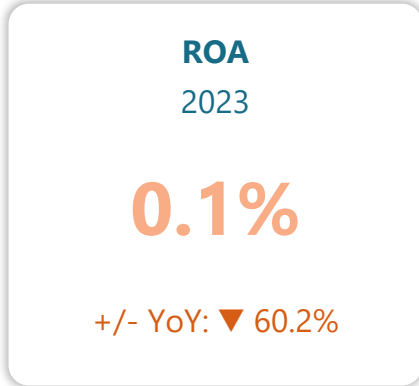
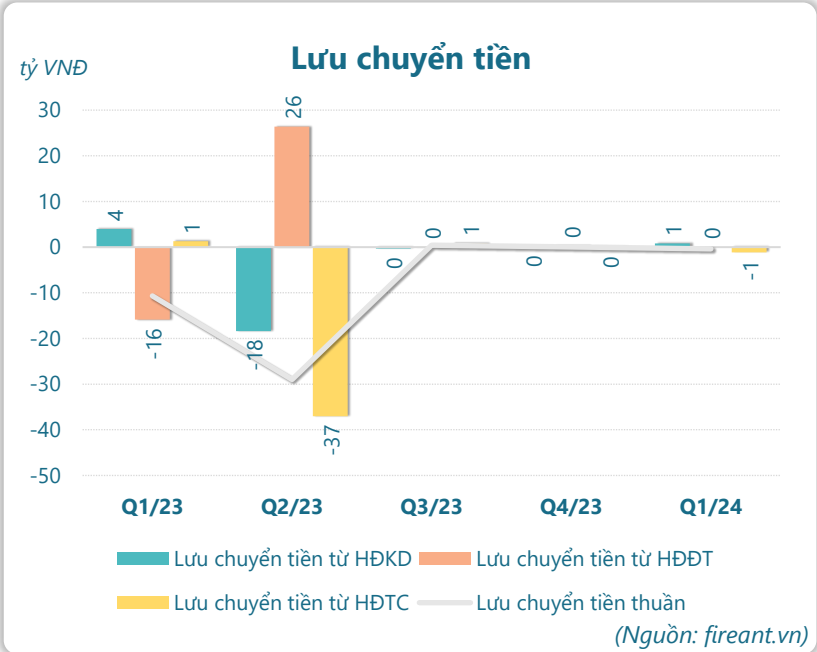
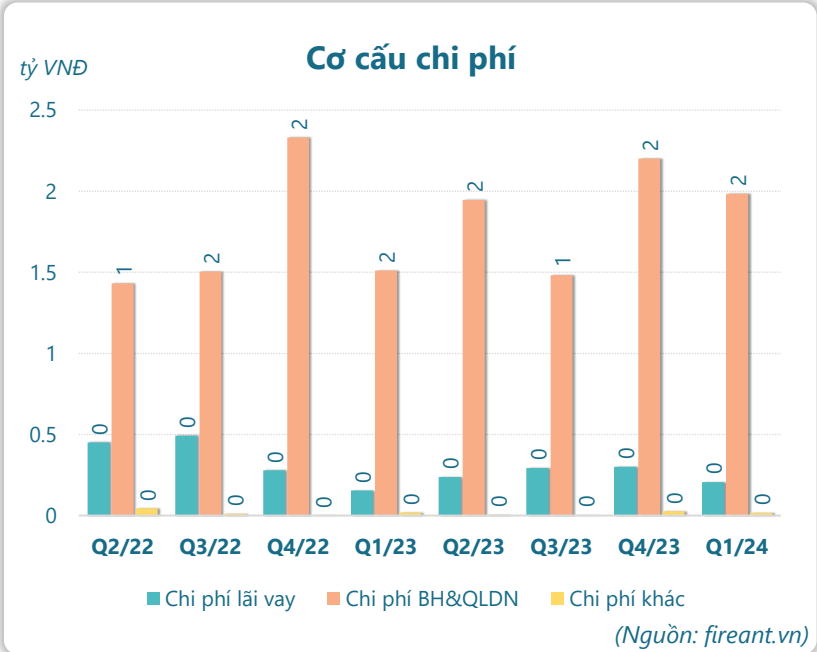
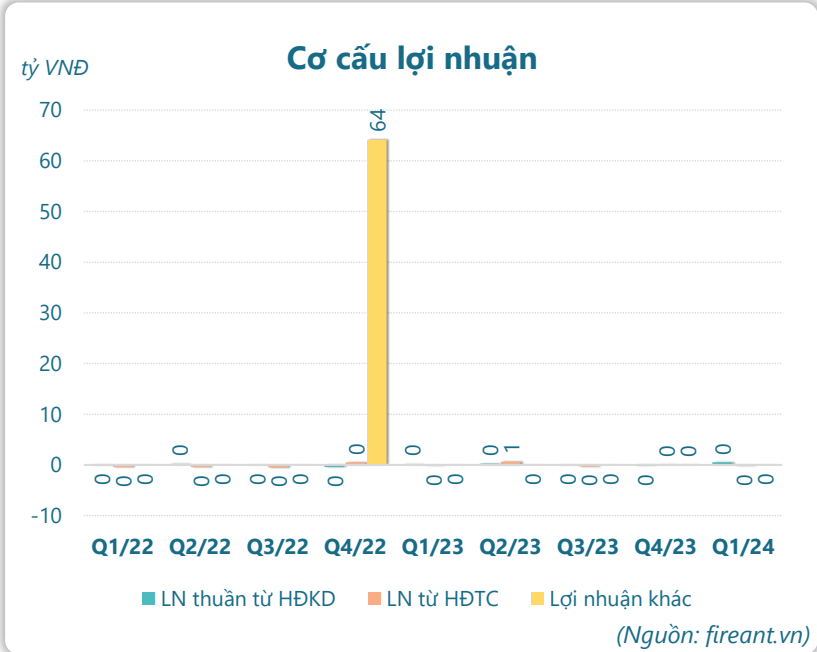
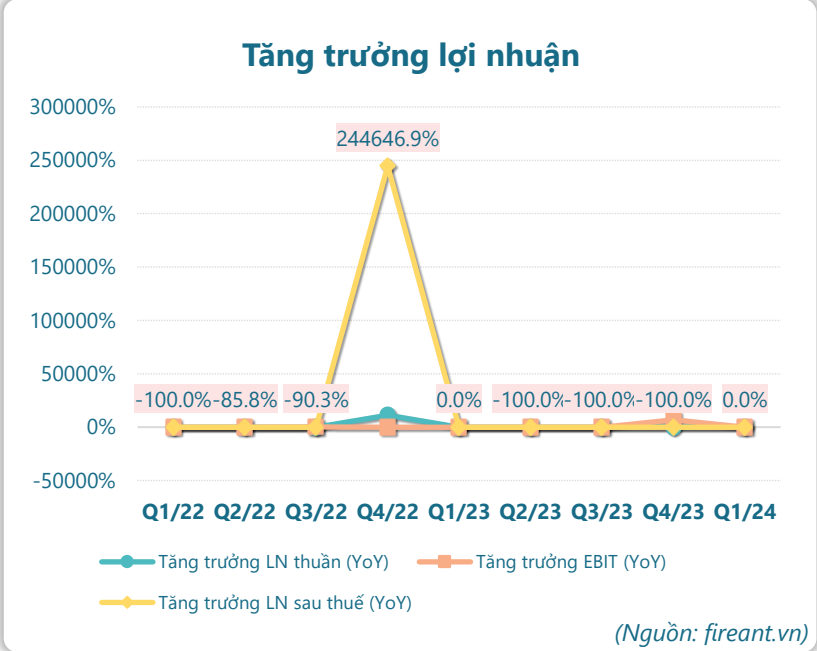
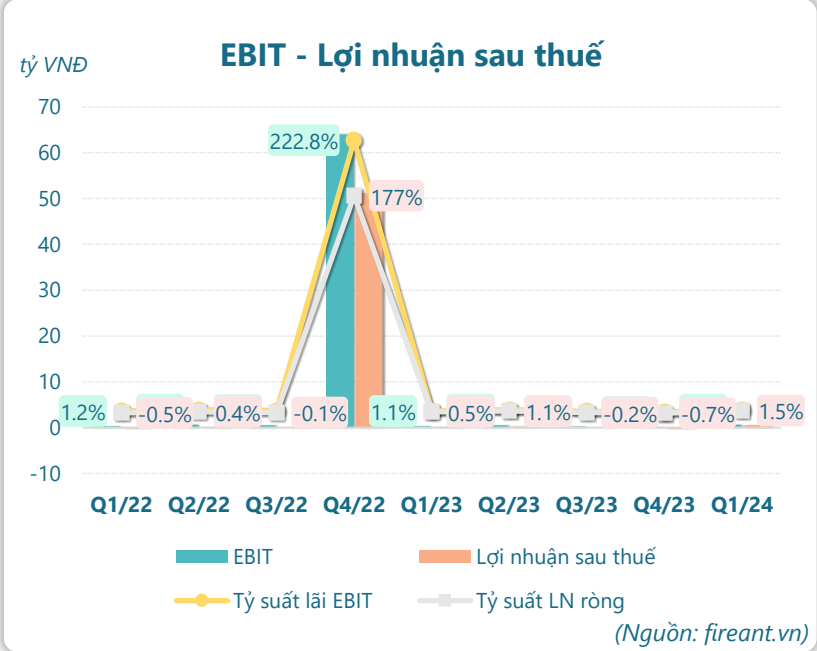
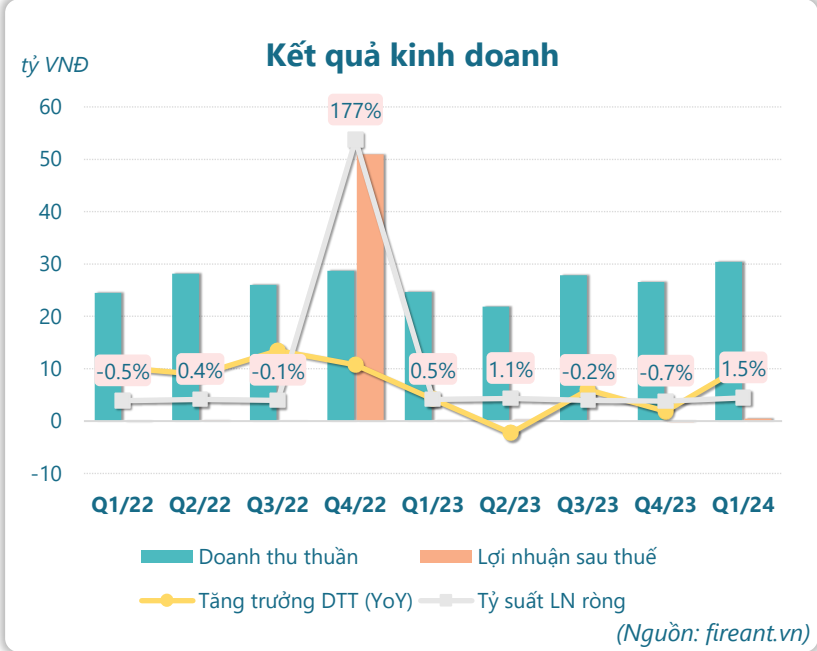


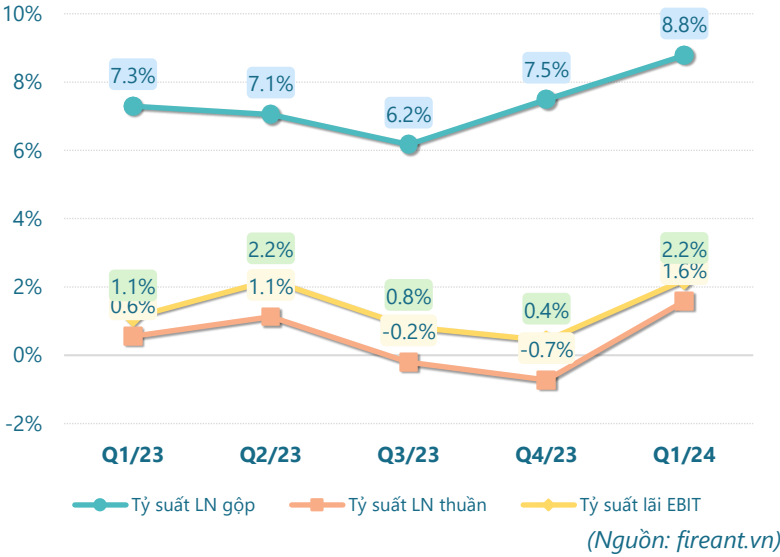
| | | | |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày | 25,500 VNĐ | | |
| 31/03/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -4.9% | 24.4% | 50.9% |

| | |
|-----------------------|-----------------|
| Sàn giao dịch | HNX |
| Khoảng giá 52 tuần | 16,100 - 33,800 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 31 |
| Số lượng CPLH (CP) | 1,200,000 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 4,575 |
| Sở hữu nước ngoài | 2.6% |
| Beta | 0.41 |
| EPS | 385 |
| P/E | 66.2 |

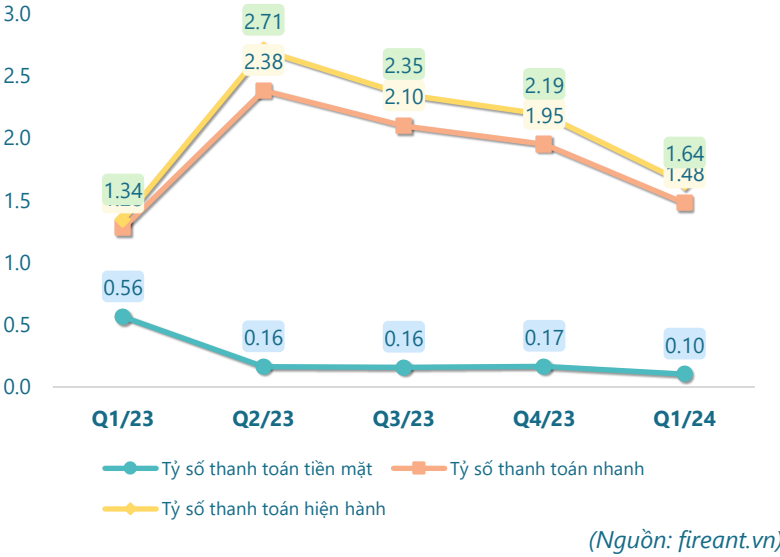




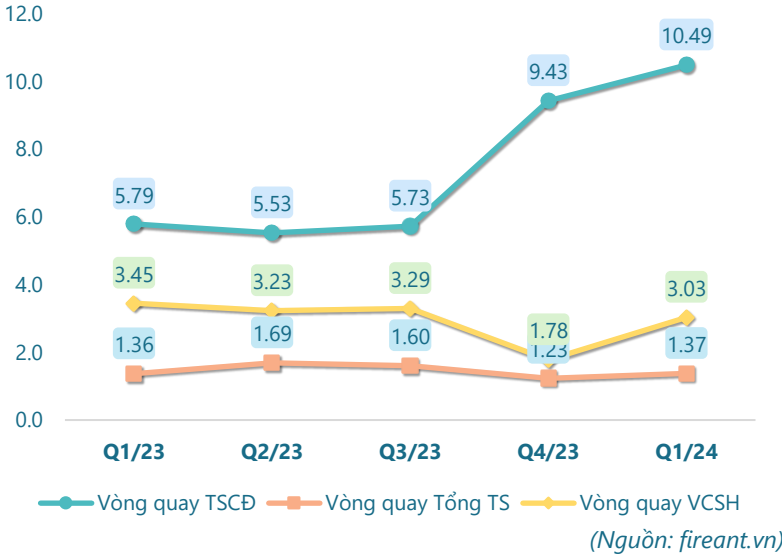
Tỷ suất lợi nhuận



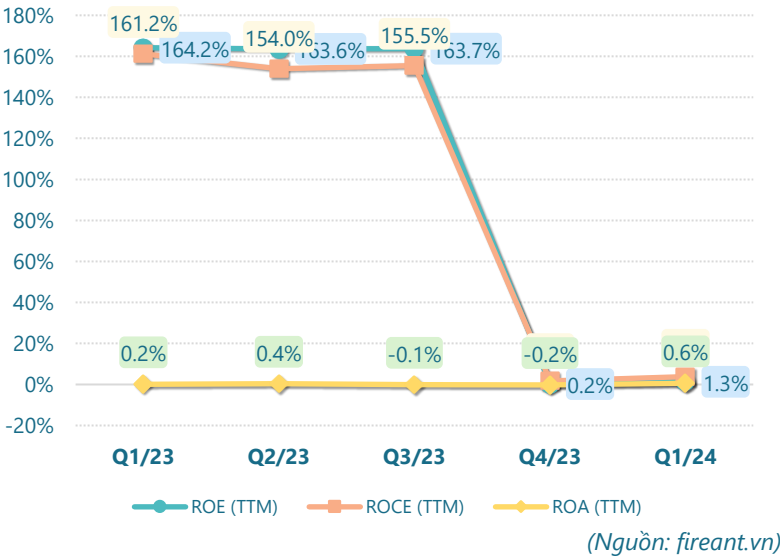
Chỉ số thanh khoản



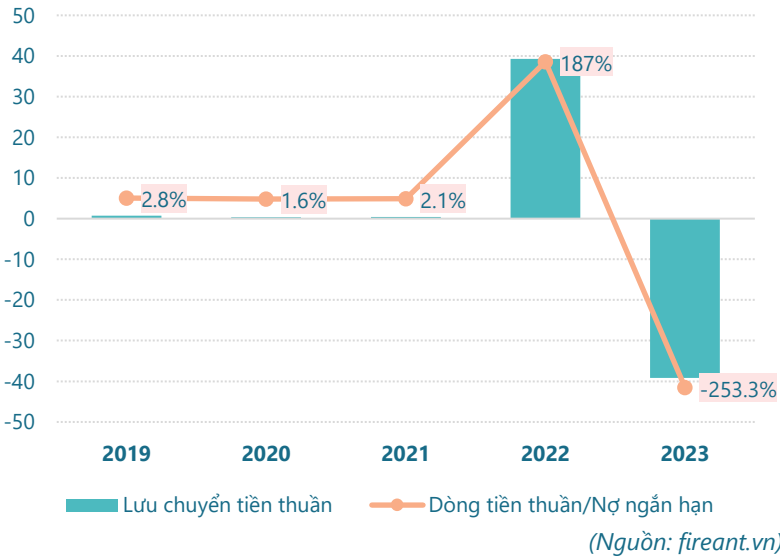
Vòng quay tài sản



Tỷ suất sinh lợi



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Nhóm chỉ số định giá

